USER REQUIREMENT DOCUMENT

MMWP –

Motel Management Website Project URD

Phiên bản: 1.00

Ngày xuất bản: 01/06/2023

# PHIÊN BẢN CẬP NHẬT

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phiên bản** | **Nội dung sửa đổi** | **Ngày chỉnh sửa** | **Người thực hiện** |
| 1.0 | Bản đầu tiên | 01/06/2023 |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

# THÀNH VIÊN NHÓM

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Họ Và Tên** | **MSSV** | **Người thực hiện** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

# TỔNG QUAN

## MỤC ĐÍCH TÀI LIỆU

Tài liệu URD mô tả chi tiết tất cả yêu cầu nghiệp vụ của dự án website dùng để kết nối các sinh viên cần thuê trọ và các chủ nhà trọ. Nơi mà sẽ hỗ trợ việc thỏa thuận thuê trọ của sinh viên và các chủ nhà trọ.

## ĐỐI TƯỢNG NGƯỜI DÙNG

Tài liệu được dùng bởi các stakeholders của dự án:

|  |  |
| --- | --- |
| **Đối tượng** | **Mục đích sử dụng** |
| **Giảng Viên** | Review và bổ sung yêu cầu |
| **Designer** | Tham khảo tài liệu này để thiết kế tài liệu SRS cho hệ thống. |
| **Developers** | Tham khảo tài liệu này để hiểu rõ về những yêu cầu nghiệp vụ cần phát triển. |
| **Testers** | Tham khảo tài liệu này để lên kế hoạch test phù hợp và phát triển các testcases cho hệ thống |

# 

# FUNCTIONAL REQUIREMENTS

Danh sách phân hệ chức năng trên Website

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **ID** | **Nhóm chức năng** | **ID** | **Chức năng chính** |
| W-US | Chức năng Người dùng: | W-US -01  W-US -02  W-US -03  W-US -04  W-US -05  W-US -06 | Đăng nhập và đăng ký tài khoản.  Quản lý thông tin cá nhân.  Quản lý danh sách yêu thích.  Quản lý đơn hàng.  Đánh giá và nhận xét sản phẩm.  Gửi yêu cầu hỗ trợ hoặc liên hệ. |
| W-FI | Chức năng Tìm kiếm và Hiển thị: | W-FI-01  W- FI -02  W- FI -02 | Tìm kiếm sản phẩm theo tên,danh mục,từ khóa.  Lọc và sắp xếp kết quả tìm kiếm.  Hiển thị danh sách sản phẩm và thông tin chi tiết. |
| W-CA | Chức năng Giỏ hàng và Thanh toán: | W- CA -01  W- CA -02  W- CA -03  W- CA -04  W- CA -05  W- CA -06 | Thêm sản phẩm vào giỏ hàng.  Chỉnh sửa số lượng sản phẩm trong giỏ hàng.  Xóa sản phẩm khỏi giỏ hàng.  Tính tổng giá trị đơn hàng.  Chọn phương thức thanh toán.  Nhập thông tin thanh toán và giao hàng. |
| W-BI | Chức năng Quản lý đơn hàng: | W-BI-01  W-BI-02  W-BI-03  W-BI-04 | Xem danh sách đơn hàng.  Cập nhật trạng thái đơn hàng.  Cung cấp thông tin vận chuyển và giao hàng.  In hóa đơn hoặc xác nhận đơn hàng. |
| W-ADPR | Chức năng Quản lý sản phẩm: | W-ADPR-01  W-ADPR-02 | Thêm, sửa đổi và xóa sản phẩm.  Quản lý danh mục sản phẩm. |
| W-ADUS | Chức năng Quản lý khách hàng | W-ADUS-01  W-ADUS-02  W-ADUS-03 | Quản lý danh sách khách hàng.  Theo dõi lịch sử mua hàng của khách hàng.  Tương tác với khách hàng qua email hoặc tin nhắn. |
| W-SA | Chức năng Quảng cáo và Khuyến mãi | W-SA-01  W-SA-02 | Hiển thị quảng cáo và thông báo khuyến mãi.  Tạo và quản lý các chương trình giảm giá và khuyến mãi. |
| W-AD | Chức năng Quản trị hệ thống: | W-AD-01  W-AD-02  W-AD-03 | Quản lý người dùng và phân quyền.  Theo dõi hoạt động trên website.  Quản lý báo cáo và thống kê (doanh thu, lượt truy cập). |

Mô tả chi tiết chức năng trên Website

|  |  |
| --- | --- |
| **ID** | **Mô tả chi tiết** |
| W-US -01 | Đăng nhập và đăng ký tài khoản: Cho phép người dùng tạo tài khoản mới hoặc đăng nhập vào tài khoản hiện có để truy cập vào các tính năng cá nhân. |
| W-US -02  **ID** | Quản lý thông tin cá nhân: Người dùng có thể cập nhật và chỉnh sửa thông tin cá nhân như địa chỉ, số điện thoại, email, mật khẩu, hình đại diện, v.v.  **Mô tả chi tiết** |
| W-US -03 | Quản lý danh sách yêu thích: Cho phép người dùng lưu lại danh sách các sản phẩm yêu thích để dễ dàng tìm thấy và mua sau này. |
| W-US -04 | Quản lý đơn hàng: Người dùng có thể xem, theo dõi và cập nhật trạng thái của các đơn hàng đã đặt. |
| W-US -05 | Đánh giá và nhận xét sản phẩm: Cho phép người dùng đánh giá và viết nhận xét về sản phẩm đã mua để chia sẻ kinh nghiệm và giúp người dùng khác trong quá trình mua sắm. |
| W-US -06 | Gửi yêu cầu hỗ trợ hoặc liên hệ: Người dùng có thể gửi yêu cầu hỗ trợ hoặc liên hệ với đội ngũ chăm sóc khách hàng để nhận được sự hỗ trợ khi cần thiết. |
| W-FI-01 | Tìm kiếm sản phẩm: Người dùng có thể tìm kiếm sản phẩm dựa trên tên, danh mục, hoặc từ khóa liên quan. |
| W-FI-02 | Lọc và sắp xếp kết quả tìm kiếm: Cho phép người dùng lọc và sắp xếp danh sách sản phẩm theo các tiêu chí như giá, đánh giá, thương hiệu, v.v. |
| W-FI-03 | Hiển thị danh sách sản phẩm và thông tin chi tiết: Cung cấp giao diện để hiển thị danh sách sản phẩm và thông tin chi tiết về từng sản phẩm bao gồm hình ảnh, giá cả, mô tả, đánh giá, v.v. |
| W- CA -01 | Thêm sản phẩm vào giỏ hàng: Người dùng có thể thêm sản phẩm vào giỏ hàng để chuẩn bị cho quá trình thanh toán. |
| W- CA -02 | Chỉnh sửa số lượng sản phẩm trong giỏ hàng: Cho phép người dùng điều chỉnh số lượng sản phẩm trong giỏ hàng trước khi thanh toán. |
| W- CA -03 | Xóa sản phẩm khỏi giỏ hàng: Người dùng có thể xóa bỏ các sản phẩm không muốn mua trong giỏ hàng. |
| W- CA -04 | Tính tổng giá trị đơn hàng: Tính toán tổng giá trị của các sản phẩm trong giỏ hàng. |
| W- CA -05 | Chọn phương thức thanh toán: Người dùng có thể chọn phương thức thanh toán như thẻ tín dụng, chuyển khoản ngân hàng, ví điện tử, v.v. |
| W- CA -06 | Nhập thông tin thanh toán và giao hàng: Người dùng cung cấp thông tin về địa chỉ giao hàng và các chi tiết thanh toán. |
| W-BI-01 | Xem danh sách đơn hàng: Quản lý hiển thị danh sách đơn hàng đã được đặt và các thông tin liên quan như khách hàng, sản phẩm, số lượng, trạng thái, v.v. |
| W-BI-02 | Cập nhật trạng thái đơn hàng: Cho phép người quản lý cập nhật trạng thái của các đơn hàng, từ việc xác nhận, đóng gói, vận chuyển đến hoàn thành. |
| W-BI-03 | Cung cấp thông tin vận chuyển và giao hàng: Quản lý cung cấp thông tin về vận chuyển và giao hàng như mã vận đơn, hãng vận chuyển, thời gian giao hàng dự kiến, v.v |
| W-BI-04 | In hóa đơn hoặc xác nhận đơn hàng: Tạo và in hóa đơn hoặc xác nhận đơn hàng để cung cấp cho khách hàng. |
| W-ADPR-01 | Thêm, sửa đổi và xóa sản phẩm: Quản trị viên thêm mới, chỉnh sửa và xóa các sản phẩm trong cửa hàng. |
| W-ADPR-02 | Quản lý danh mục sản phẩm: Cho phép quản trị viên tạo và quản lý các danh mục và nhóm sản phẩm để giúp người dùng dễ dàng tìm kiếm và xem sản phẩm. |
| W-ADUS-01 | Quản lý danh sách khách hàng: Lưu trữ và quản lý thông tin chi tiết về khách hàng, bao gồm thông tin cá nhân, lịch sử mua hàng, đơn hàng hiện tại, v.v. |
| W-ADUS-02 | Theo dõi lịch sử mua hàng của khách hàng: Hiển thị thông tin về các đơn hàng trước đây của khách hàng, giúp quản lý hiểu rõ hơn về hành vi mua hàng của khách hàng. |
| W-ADUS-03 | Tương tác với khách hàng qua email hoặc tin nhắn: Cung cấp khả năng tương tác và gửi thông báo, email, tin nhắn đến khách hàng để cung cấp thông tin mới nhất, khuyến mãi hoặc hỗ trợ. |
| W-SA-01 | Hiển thị quảng cáo và thông báo khuyến mãi: Cho phép quản lý hiển thị thông tin quảng cáo và thông báo khuyến mãi trên trang web để thu hút và khuyến khích khách hàng mua sắm. |
| W-SA-02 | Tạo và quản lý các chương trình giảm giá và khuyến mãi: Quản lý có thể tạo và quản lý các chương trình giảm giá, mã giảm giá và khuyến mãi để áp dụng cho sản phẩm và đơn hàng. |
| W-AD-01 | Quản lý người dùng và phân quyền: Cho phép quản lý tài khoản người dùng, phân quyền truy cập và quản lý quyền hạn của người dùng trong hệ thống. |
| W-AD-02 | Theo dõi hoạt động trên website: Ghi lại và theo dõi các hoạt động của người dùng trên trang web để kiểm tra và bảo mật hệ thống. |
| W-AD-03 | Quản lý báo cáo và thống kê: Cung cấp báo cáo và thống kê về doanh thu, lượt truy cập, sản phẩm phổ biến, v.v. để giúp quản lý đánh giá hiệu suất và định hướng phát triển |

# SYSTEM CONTEXT

Petland Shop

System

# USECASE DIAGRAM

Danh sách actor thực hiện usecases

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Actor** | **Mô tả** |
| 1 | User | Người sử dụng và thực hiện các thao tác chức năng trên website.và đã có tài khoản |
| 2 | User(Non-Register) | Người sử dụng và thực hiện các thao tác chức năng trên website.và chưa có tài khoản |
| 3 | System | Hệ thống website thực hiện các tác vụ đã được thiết lập bởi developer. |
| 4 | Admin | Sử dụng và thực hiện, quản lý tất cả các thông tin, chức năng, thao tác của website. |

Usecase diagram

# USECASE DESCRIPTION

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Use Case ID:*** | W-HS-UC01 | ***Requirement Ref:*** W-HS-01 |
| ***Use case Name:*** | Người dùng kích hoạt tài khoản | |
| ***Brief description:*** | Người dùng kích hoạt tài khoản để sử dụng website đầy đủ chức năng. | |
| ***Actors:*** | Guest | |
| ***Pre-conditions:*** | Actor truy cập website trên mobile.  Website được mở và màn hình đăng nhập được hiển thị. | |
| ***Post-conditions:*** | Tài khoản của actor được kích hoạt và actor có thể đăng nhập để sử dụng đầy đủ các tính năng các website. | |
| ***Main Success flow:*** | 1/ Actor chọn chức năng “Đăng ký” trên màn hình Đăng nhập.  2/ Màn hình đăng ký tài khoản được hiển thị với các thông tin cần nhập:   * Username, password (nhập 2 lần), số điện thoại, email: Thông tin bắt buộc. Có dấu (\*) ngay sau field này và bên dưới form nhập ghi chú: (\*) là thông tin được yêu cầu nhập. * Password gồm tối thiểu 6 kí tự. * Avatar: Không bắt buộc.   3/ Actor nhập các thông tin trên và nhấn “Đăng ký”.  4/ Hệ thống lưu thông tin được thay đổi và hiển thị thông báo “Đăng ký thành công”.  5/ Hệ thống gửi mã kích hoạt (code) gồm 4 chữ số lấy random đến số điện thoại và email của actor.  6/ Hệ thống hiển thị màn hình nhập code cho actor đồng thời yêu cầu actor kiểm tra tin nhắn điện thoại hoặc email để lấy code. Màn hình nhập code có nút “Gửi lại mã kích hoạt” để actor nhận lại mã kích hoạt trong trường hợp mất hoặc không nhận được mã kích hoạt trước đó.  7/ Actor nhập code và nhấn “Tiếp tục”.  8/ Hệ thống thông báo “Tài khoản đã được kích hoạt thành công” và hiển thị màn hình sử dụng chính sau khi đăng nhập. | |
| ***Alternative flows:*** | None. | |
| ***Exception flows:*** | 1/ Khi thực hiện Main flow và đến bước #3  Khi thông tin lưu không thành công, hệ thống thông báo “Thông tin không được lưu thành công”.  2/ Khi thực hiện Main flow và đến bước #3  Trường hợp actor nhập thiếu các field bắt buộc, hệ thống thông báo “Vui lòng nhập thông tin được yêu cầu”.  Focus về field bắt buộc đầu tiên cần nhập.  3/ Khi thực hiện Main flow và đến bước #3  Trường hợp actor nhập sai mật khẩu xác nhận, hệ thống thông báo “Xác nhận mật khẩu không khớp”.  3/ Khi thực hiện Main flow và đến bước #7  Trường hợp actor nhập sai code, hệ thống thông báo “Mã kích hoạt không đúng, vui lòng nhập lại mã hoặc nhấn nút <Gửi lại mã kích hoạt> để nhận mã mới”. | |